



**Đề Tài: Thực trạng thanh toán không dùng
tiền mặt tại chi nhánh Ngân hàng Công
thương KVII - HBT - Hà Nội**

LỜI NÓI ĐẦU

Nền kinh tế Việt nam đã trải qua 10 năm đổi mới. Giai đoạn này kết thúc bằng những thành tựu khá nổi bật như nghị quyết TW Đảng Cộng sản Việt nam khoá VIII đã đánh giá: GDP tăng trung bình 9,5% Trong đó: Xuất khẩu tăng khoảng 38 %, lạm phát hạ từ mức 14,4% năm xuống còn 12,7%...vv. Qua các năm xu hướng rõ ràng được ghi nhận là nền kinh tế nước ta có sự tăng trưởng rõ nét đạt tốc độ cao 1995: 9%, 1996: 9,5%, 1997: 4,5%...vv

Trong bối cảnh chung đó, nổi bật lên vai trò và sự đóng góp của các hoạt động đổi mới trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ. Những nỗ lực kiểm chế và kiểm soát lạm phát, nâng cao khả năng tiết kiệm trong nước, thu hút vốn nước ngoài để đầu tư phát triển, mở mang các quan hệ kinh tế đối ngoại,vv..đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình ổn định, khôi phục và nâng cao tốc độ tăng trưởng.

Hiện nay trên căn bản của một môi trường phát triển mới, nền kinh tế nước ta đang phải đối mặt với những thử thách mới. Với tương quan mới của các mục tiêu kinh tế chung, trong đó tăng trưởng cao lâu bền là mục tiêu hàng đầu. Những mục tiêu đó đặt ra cho chính sách tiền tệ và hệ thống ngân hàng với tư cách là một trong những yếu tố quan trọng trong việc không ngừng đổi mới và phát huy hệ thống thanh toán nhất là thanh toán không dùng tiền mặt. Đây là nội dung chủ yếu đổi mới công nghệ ngân hàng thích ứng với phát triển của đất nước thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá nền kinh tế.

Thành công bước đầu về đổi mới pháp chế, công cụ và kỹ thuật thanh toán đã tạo ra những chuyển biến tích cực khắc phục khó khăn tồn tại, cải tạo đáng kể chất lượng dịch vụ thanh toán trong nền kinh tế nước ta.

Nhiều ngân hàng đã mạnh dạn tích cực đầu tư vốn cho cải tiến kỹ thuật tăng cường cơ sở hạ tầng, tiếp cận với công nghệ mới thu được kinh nghiệm cho các bước tiếp theo như: NHCT Việt nam, NHNT Việt nam, NH Đầu tư, NHNN Việt nam...

Việc nghiên cứu và đưa ra những dự báo kinh tế của Việt nam trong 5 năm tới thị trường tài chính sẽ có bước phát triển đáng kể, khối lượng thanh toán có thể tăng hàng chục lần. Nhu cầu chuyển tiền giá trị cao sẽ ra tăng trong khu vực thương mại và công nghiệp, sau đó là nhu cầu thanh toán đại chúng, giá trị thấp của khu vực dân cư và thời kỳ tiếp theo là sự giao lưu với thị trường tài chính quốc tế. Quá trình này đòi hỏi ngành ngân hàng phải đánh giá lại các công cụ thanh toán rút ra được kết luận chính xác hoặc ít ra cũng sát với thực tế của quy luật phát triển, đồng thời phải nghiên cứu và đưa vào vận dụng các phương thức thanh toán mới, hiện đại mang lại hiệu quả cao đối với thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

Với những kiến thức đã được học ở trường, cùng với thời gian thực tập, tìm hiểu tình hình thực tế tại ngân hàng Công thương KVII - HBT - Hà Nội. Trong chuyên đề này có đề cập đến một số vấn đề nhằm hoàn thiện và phát triển tác thanh toán không dùng tiền mặt tại chi nhánh ngân hàng Công thương KVII-HBT - Hà Nội.

Nội dung chuyên đề gồm 3 chương:

Chương I : Lý luận chung.

Chương II : Thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT - Hà Nội.

Chương III : Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng thanh toán không dùng tiền mặt tại chi nhánh ngân hàng Công thương KVII - HBT - HN.

Kết luận

CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

I/ SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN VÀ VAI TRÒ THANH TOÁN TIỀN TỆ TRONG NỀN KINH TẾ

1/ SỰ CẦN THIẾT CỦA THANH TOÁN TIỀN TỆ TRONG NỀN KINH TẾ

1.1 Sự cần thiết:

Để hiểu được tác dụng của tiền đối với nền kinh tế, chúng ta phải hiểu một cách chính xác tiền là gì ? Chúng ta phải xem xét các chức năng của tiền tệ và xem vì sao và bằng cách nào chúng thúc đẩy tính hiệu quả của nền kinh tế qua việc xem xét dạng của nó đã tiến triển như thế nào qua thời gian...

Từ tiền được dùng một cách tự nhiên trong các cuộc nói chuyện hàng ngày, nó có thể có nhiều nghĩa, nhưng đối với các nhà kinh tế nó có một nghĩa riêng. *Các nhà kinh tế định nghĩa tiền (hoặc một cách tương tự, lượng tiền cung ứng) được coi là bất cứ cái gì được chấp nhận chung trong việc thanh toán hàng hoá hoặc dịch vụ hoặc trong việc hoàn trả các món nợ.*

Trong cuộc sống hàng ngày đồng tiền là tiền giấy hay tiền kim loại và hầu hết dân chúng nói về “tiền” tức là họ đang nói về tiền mặt. Định nghĩa về tiền chỉ đơn thuần là tiền mặt (Tiền giấy và tiền kim loại) thì quá hẹp với các nhà kinh tế. Do séc cũng được chấp nhận như tiền trả khi mua, nên các món gửi ở dạng tài khoản séc cũng được coi là tiền, ngoài ra chúng ta còn có những khoản khác như séc du lịch hay tiền gửi tiết kiệm đôi khi có thể dùng để trả cho hàng hoá, dịch vụ hoặc có thể có tác dụng hữu hiệu như tiền nếu chúng có thể chuyển đổi một cách nhanh chóng và dễ dàng thành tiền mặt hoặc thành món gửi ở dạng tài khoản séc

1.2 Các chức năng của tiền:

Dù tiền là vỏ sò, hoặc đá, hoặc vàng, hoặc giấy ... trong nền kinh tế nó có các chức năng sau:

v Phương tiện trao đổi

Chức năng quan trọng nhất làm cho tiền tệ khác với những tài sản khác là vai trò làm **phương tiện trao đổi**. Tiền tệ là một trong những phát minh quan trọng nhất trong lịch sử loài người vì nó cho phép xã hội vượt qua phương thức trao đổi công kênh quen biết ở chế độ đổi chác.

Trong hầu hết các giao dịch thị trường trong nền kinh tế của chúng ta, tiền trong dạng tiền mặt hay séc, thẻ thanh toán... là một phương tiện trao đổi; có nghĩa là nó được dùng để thanh toán, lấy hàng hoá hoặc dịch vụ. Việc dùng tiền làm một phương tiện trao đổi giúp đẩy mạnh hiệu quả của nền kinh tế qua việc loại bỏ được nhiều thời gian giành cho việc đổi chác hàng hoá hay dịch vụ. Để nhận thức được vấn đề này, chúng ta hãy nhìn vào một nền kinh tế đổi chác, tức là một nền kinh tế không có tiền trong đó hàng hoá hay dịch vụ được đổi trực tiếp lấy hàng hoá hay dịch vụ khác.

Thời gian tiêu hao khi găng sức để trao đổi hàng hoá và dịch vụ được gọi là một **chi phí giao dịch**. Trong một nền kinh tế đổi chác, các chi phí giao dịch là cao bởi vì người ta phải thoả mãn “*hai ý muốn trùng khớp*”: tức là họ phải tìm ai đó có hàng hoá hay dịch vụ mà họ muốn và người đó cũng muốn hàng hoá hoặc dịch vụ mà họ chào mời.

Chúng ta thấy tiền thúc đẩy hiệu quả kinh tế qua việc loại bỏ được nhiều thời gian chi phí khi trao đổi hàng hoá và dịch vụ. Nó cũng thúc đẩy hiệu quả kinh tế qua việc cho phép người ta chuyên làm cái công việc mà người ta làm tốt nhất. Bởi vậy chúng ta thấy tiền là một yếu tố cơ bản trong nền kinh tế sản xuất hàng hoá. Nó tác dụng như một thứ dầu mỡ bôi trơn cho phép nền kinh tế chạy trơn tru hơn nhờ giảm thiểu chi phí giao dịch, từ đó khuyến khích chuyên môn hoá và phân công lao động.

Để một hàng hoá hoạt động một cách hữu hiệu như tiền thì phải đạt được một số chuẩn mực:

- (1) Nó phải tạo ra hàng loạt một cách dễ dàng, làm dễ dàng cho việc xác định giá trị của nó
- (2) Nó phải được chấp nhận một cách rộng rãi

- (3) Nó phải, có thể chia nhỏ được nhờ đó dễ “đổi chác”
- (4) Nó phải dễ chuyên chở
- (5) Nó phải không bị hư hỏng một cách nhanh chóng

v Thước đo giá trị (Đơn vị đánh giá)

Chức năng thứ 2 của tiền là làm **đơn vị đánh giá**; nghĩa là, nó được dùng để đo giá trị trong nền kinh tế. Chúng ta đo các giá trị của hàng hoá và dịch vụ bằng tiền. Chức năng này rất quan trọng trong nền kinh tế sản xuất hàng hoá và chỉ có ở nền kinh tế sản xuất hàng hoá thì tiền tệ mới có chức năng này. Chúng ta thử nhìn lại nền kinh tế đổi chác khi hàng hoá chưa phát triển Ví dụ nền kinh tế này chỉ có 3 mặt hàng thì chúng ta phải cần có 3 giá để nói với chúng ta rằng phải làm thế nào để trao đổi thứ này với thứ khác, nếu có 10 mặt hàng thì ta phải cần bao nhiêu giá? phải cần 45 giá để trao đổi một thứ hàng này với một thứ hàng khác và nếu có 100 mặt hàng thì ta cần tới 4950 giá (*Công thức để tính số giá chúng ta cần khi có N mặt hàng chẳng khác công thức tính số trận một đội bóng đá trong bảng phải thi đấu với các đội còn lại trong bảng là: $N(N-1)/2$*) và cứ thế tăng lên nếu không có vật trung gian là tiền tệ để định giá bằng đơn vị tiền cho tất cả các mặt hàng. Chúng ta có thể nhận thấy rằng việc dùng tiền làm một đơn vị đánh giá giảm được chi phí thời gian để giao dịch trong một nền kinh tế nhờ giảm số giá cần phải xem xét. Cái lợi của chức năng này của tiền tăng lên khi nền kinh tế hàng hoá phát triển và phức tạp hơn.

v Nơi chứa giá trị (Nơi chứa sức mua hàng hoá qua từng thời gian)

Tiền cũng tác dụng như một **nơi chứa giá trị** nghĩa là một nơi chứa sức mua hàng hoá qua thời gian. Một nơi chứa giá trị được dùng để tách thời gian từ lúc mà người ta nhận được thu nhập tới lúc người ta sử dụng nó. Chức năng này của tiền là hữu ích vì phần lớn chúng ta đều không muốn sử dụng ngay thu nhập của mình khi nhận được nó, mà muốn đợi đến khi chúng ta có thời giờ và có ý mua sắm.

Tiền không phải duy nhất là nơi chứa đựng giá trị vì một tài sản bất kỳ như tiền mặt, cổ phiếu, trái khoán, đất đai, nhà cửa, tác phẩm nghệ thuật hoặc đồ châu báu, đều là một phương tiện chứa của cải. Nhiều trong số những loại tài sản này có lợi hơn so với tiền xét về mặt chứa giá trị, chúng thường đem lại cho chủ nhân một khoản lợi tức cao hơn tiền mang lại ví dụ: buôn bán cổ phiếu, trái phiếu, kinh doanh bất động sản...vv. Thế thì tại sao mọi người giữ tiền để làm gì? khi mà những tài sản này là nơi chứa đựng giá trị đáng chuộng hơn so với tiền.

Chúng ta có thể giải thích vấn đề này liên quan đến một khái niệm kinh tế quan trọng được gọi là tính lỏng (liquidity-khả năng dễ chuyển thành tiền mặt) có nghĩa là có sự tương đối dễ dàng và nhanh chóng, nhờ đó một tài sản có thể chuyển đổi thành một phương tiện trao đổi. Tiền là tài sản có tính chất lỏng nhất bởi bản thân nó là phương tiện trao đổi, tức là nó không giống những tài sản khác, nó không cần được chuyển thành thứ gì khác với mục đích để mua hàng. Những tài sản khác đòi hỏi chi phí giao dịch khi cần chuyển sang tiền ví dụ: khi bạn bán nhà của bạn, bạn cần phải quảng cáo đăng báo hoặc trả tiền cho người môi giới một khoản (ở Việt nam hiện nay là từ 2% đến 5%). Do tiền là **tài sản có tính chất lỏng nhất** đó là câu trả lời cho câu hỏi ở trên là tại sao người ta có ý định giữ nó ngay cả nếu nó không phải là nơi chứa giá trị một cách hấp dẫn nhất. Tiền là nơi chứa giá trị tốt đến thế nào tùy thuộc vào mức giá cả, do giá trị của nó được ấn định theo mức giá cả. Nếu các giá đều tăng gấp hai chẳng hạn nghĩa là giá trị của tiền đã sụt một nửa và ngược lại.

2/ Vai trò của thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế

Qua nghiên cứu sự tiến triển của hệ thống thanh toán chúng ta có thể thấy sự cần thiết khách quan và rất quan trọng của thanh toán không dùng tiền mặt đối với nền kinh tế sản xuất hàng hoá nhất là trong giai đoạn phát triển có nhiều mối quan hệ đa chiều rất phức tạp đó là:

Tổ chức tốt công tác thanh toán không dùng tiền mặt sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán và tốc độ chu chuyển vốn của nền kinh tế.

Thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hoá phát triển

Thanh toán không dùng tiền mặt góp phần làm giảm khối lượng tiền trong lưu thông kim hãm và đẩy lùi lạm phát

Thanh toán không dùng tiền mặt sẽ làm giảm thiểu tới mức tối đa các chi phí giao dịch trong xã hội

Thanh toán không dùng tiền mặt tạo điều kiện cho Ngân hàng tập trung tăng cường nguồn vốn để đầu tư đúng chỗ có hiệu quả cho sự phát triển kinh tế. Qua hình thức thanh toán không dùng tiền mặt sẽ tập trung được khoản thanh toán giữa các khách hàng mở tài khoản ở các Ngân hàng, muốn thanh toán được thì trên tài khoản thanh toán phải luôn có số dư, điều này đã tạo ra được một nguồn vốn nhàn rỗi và tập trung vào ngân hàng. Càng nhiều khách hàng tham gia vào hoạt động thanh toán này thì số vốn càng lớn và bằng kênh tín dụng riêng của mình ngân hàng có thể đầu tư khi nền kinh tế kêu gọi vốn để phát triển...

Thanh toán không dùng tiền mặt tạo điều kiện cho ngân hàng dự đoán và kiểm soát bằng đồng tiền đối với nền kinh tế để sử dụng và phát huy các đòn bẩy kinh tế như lãi suất, tỉ trọng tín dụng trung dài hạn, tỉ giá hối đoái...mà không cần phải dùng tới các mệnh lệnh hành chính để điều tiết, kiểm soát và định hướng nền kinh tế.

II/ NHỮNG QUY ĐỊNH MANG TÍCH NGUYÊN TẮC KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT:

Thanh toán không dùng tiền mặt có tác dụng to lớn đối với nền kinh tế. Tuy nhiên, việc thanh toán không dùng tiền mặt qua Ngân hàng phải được tuân theo các nguyên tắc chặt chẽ, nhằm tạo điều kiện tổ chức công tác thanh toán được an toàn, nhanh chóng, thuận tiện, chính xác. Muốn vậy, các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp và Ngân hàng phải thực hiện tốt các quy định có tính nguyên tắc sau:

1.Những quy định chung:

Hiện nay việc tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt đang được thực hiện theo số 22/QĐ- NH1 ngày 21/01/1994 của thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam có thông tư hướng dẫn kèm theo thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt số 08/TT-NH2 ngày 02/06/1994. Cụ thể qui định theo điều 1 quyết định 22/QĐ-NH1 có ghi: “Tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt cho tất cả các tổ chức cá nhân hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam cá nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt, đều cá quyền lựa chọn ngân hàng để thanh toán “. Đồng thời có một số qui định cụ thể như sau: Tại điều 1 quyết định 22/QĐ- NH1 có ghi :”Các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang, công dân Việt Nam được quyền lựa chọn ngân hàng để mở tài khoản giao dịch và thực hiện thanh toán”

2. Những quy định đối với khách hàng (Đơn vị và cá nhân).

-Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức đoàn thể, đơn vị vũ trang, công dân Việt nam và người nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt nam (Gọi chung là đơn vị và cá nhân) được quyền lựa chọn Ngân hàng để mở tài khoản giao dịch và thanh toán...

-Các đơn vị dự toán Ngân sách Nhà nước mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước

-Để đảm bảo thực hiện thanh toán đầy đủ kịp thời, các chủ tài khoản (bên trả tiền) phải có đủ tiền trên tài khoản. Mọi trường hợp thanh toán vượt quá số dư tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước là phạm pháp và phải bị xử lý theo pháp luật

-Việc thanh toán giữa các đơn vị phải dựa trên hợp đồng kinh tế. Ngân hàng được quyền từ chối thanh toán khi hai bên mua và bán không có hợp đồng hoặc không đủ các giấy tờ hợp lệ.

-Tất cả các chứng từ thanh toán qua Ngân hàng do khách hàng nộp vào Ngân hàng phải được lập trên mẫu do Ngân hàng ấn hành, nhượng bán. Phải lập đủ liên, viết rõ ràng, đầy đủ, chính xác các yếu tố theo quy định. Mọi giấy tờ phải

có dấu, chữ ký của chủ tài khoản, của kế toán trưởng đúng với mẫu dấu, chữ ký đã đăng ký tại Ngân hàng.

-Khách hàng phải thực hiện đầy đủ và đúng đắn những quy định trong thể lệ thanh toán của Ngân hàng.

3. Những quy định đối với Ngân hàng và kho bạc nhà nước.

-Phải cung cấp đầy đủ và kịp thời các loại mẫu giấy tờ thanh toán cho khách hàng.

-Thực hiện các uỷ nhiệm thanh toán của chủ tài khoản, bảo đảm chính xác, an toàn, thuận tiện. Các Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm chi trả tiền mặt hoặc chuyển khoản trong phạm vi số dư tiền gửi theo yêu cầu của chủ tài khoản.

-Kiểm tra khả năng thanh toán của chủ tài khoản (Bên trả tiền) trước khi thực hiện thanh toán và được quyền từ chối thanh toán nếu tài khoản không đủ tiền; đồng thời không chịu trách nhiệm về những nội dung liên đới của hai bên khách hàng.

-Thực hiện việc kiểm tra, giám sát khả năng chi trả của chủ tài khoản, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

-Nếu do thiếu sót trong quá trình thanh toán gây thiệt hại cho khách hàng thì Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử lý theo pháp luật

-Để việc thanh toán của khách hàng có tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng (Kho bạc) được thông suốt, không bị ách tắc, Ngân hàng (Kho bạc) phải duy trì thường xuyên số dư trên tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng nhà nước tối thiểu bằng mức an toàn vốn và tiền gửi thanh toán.

-Khi thực hiện các dịch vụ thanh toán cho khách hàng, Ngân hàng được thu phí dịch vụ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Quy định đối với người chi trả:

Đ    m b o đ   i u ki n b n chi tr  ph i c  đ  s  dư tr n t i kho n ti n gửi   ng n h ng . Chủ t i kho n c  t n quyền sử d ng s  ti n tr n t i kho n   chi tr  cho người thụ hưởng hoặc rút ti n m t .

Chủ t i kho n kh ng đ c ký t n,  ng d u tr n c c tờ séc ch a ghi đầy đ  c c y u t  (s c kh ng chỉ) n u vi phạm  i u này     n   n bị l i d ng ph i ch i thi t h i v  s  bị ng n h ng, kho b c hay t  chức t n d ng thu hồi t t c  c c tờ séc c n l i ch a sử d ng khi đ c ph t hi n vi phạm

Đ n v  chi tr  ph i ho n t n ch i tr ch nhi m v  vi c chi tr  qu  s  dư tr n t i kho n ti n gửi. N u vi phạm ph i ch i phạt theo quy   nh.

Ph t h nh séc qu  s  dư l n   u s  bị nh c nh  v  phạt ti n v  vi phạm h p  ng .

N u  n v  chi tr  t i phạm ph t h nh qu  s  dư l n thứ hai, th  ng n h ng, kho b c hoặc nơi chủ t i kho n vi phạm s  bị xử lý nh  sau:

- Đ nh chỉ vi c ph t h nh séc trong sáu th ng, sau    ph i c  cam k t c a chủ t i kho n kh ng vi phạm th  mới đ c ph t h nh séc.
- Thu hồi t n b  tờ séc tr ng ch a sử d ng .

N u ti p t c vi phạm, chủ t i kho n s  bị   nh chỉ h n vi c ph t h nh séc.

Người ph t h nh séc ph i ch p h nh đầy đ  nh ng quy   nh v  thanh t n do ng n h ng ban h nh nh  vi c ph t h nh séc v  b o qu n ng ng tờ séc tr ng.

5. Quy   nh   i v i người thụ hưởng:

Khi nh n đ c tờ séc c a b n chi tr  ph i ki m tra đầy đ  c c y u t  tr n tờ séc v  t nh h p l  v  kh ng c  gi  tr  thanh t n. N u tờ séc qu  th i h n hi u l c th  người thụ hưởng c  quyền y u c u người chi tr  ph t h nh séc mới      i tờ séc    qu  h n đ c hưởng ti n phạt nh ng ng y tờ  c m  người ph t h nh séc    ph t h nh qu  s  dư.

  i v  nh ng h nh thức thanh t n b ng uỷ nhi m chỉ, thư t n d ng b n thụ hưởng chỉ đ c chi tr  khi xu t tr nh đầy đ  ho   n , chứng từ giao nh n h ng theo   ng h p  ng    ký k t.

IV/ NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC THỂ THỨC THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT HIỆN ĐANG ÁP DỤNG Ở NGÂN HÀNG VIỆT NAM.

Đối với Việt nam trong giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế vốn đầu tư đòi hỏi rất lớn và cấp thiết, có thể tạo lập từ nhiều nguồn khác nhau nhưng dựa vào 2 nguồn chủ yếu là: Vốn đầu tư của nước ngoài và vốn tạm thời nhàn rỗi trong dân cư. Nghị quyết Đại hội Đảng đã khẳng định Vốn nước ngoài là quan trọng, vốn trong nước là chủ yếu và đóng vai trò quyết định. Để nguồn vốn trong nước khỏi lãng phí, phân tán không quay vòng được Ngân hàng phải tổ chức tốt công tác thanh toán không dùng tiền mặt không ngừng đổi mới, cải tiến công cụ, công tác thanh toán không dùng tiền mặt nhằm nâng cao hiệu quả thanh toán.

Thẻ lệ thanh toán không dùng tiền mặt ban hành theo quyết định 22QĐ-NH1 ngày 21/02/1994 của Thống đốc NHNNVN và nghị định số 30/CP ngày 09/05/1996 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế phát hành và sử dụng séc. Thông tư số 07/TT-NH1 ngày 27/12/1996 của Thống đốc NHNN hướng dẫn thực hiện quy chế phát hành và sử dụng séc ban hành kèm theo Nghị định số 30/CP ngày 09/05/1996 của Chính phủ. Quyết định số 20/QĐ-NH ngày 16 tháng 01 năm 1995 cho phép NHCT Việt nam tổ chức thí điểm đề án thanh toán điện tử trong nội bộ NHCT Việt nam từ 01/07/1995.

Hiện nay tại nước ta đang áp dụng các hình thức thanh toán như sau:

- + Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu.
- + Thanh toán bằng uỷ nhiệm chi - chuyển tiền.
- + Thanh toán bằng thư tín dụng.
- + Thanh toán bằng Ngân phiếu thanh toán.
- + Thanh toán bằng thẻ thanh toán.
- + Thanh toán bằng séc.
- + Thanh toán chuyển tiền điện tử

Mỗi mô hình thanh toán có nội dung kinh tế và yêu cầu kỹ thuật hạch toán khác nhau nên đòi hỏi phải có bộ chứng từ, các tài khoản và kỹ thuật hạch toán phù hợp với từng hình thức thanh toán. Còn việc vận dụng hình thức thanh toán

nào là hoàn toàn do sự tho  thuận giữa bên mua và bên bán và ngân hàng có trách nhiệm hướng dẫn cho khách hàng lựa chọn hình thức thanh toán nào là thuận lợi nhất, hợp lý nhất cho khách hàng.

1. CÁC TH  THỨC THANH TO N KHÔNG D NG TI N M T.

1.1. Th  thức thanh toán bằng Ủ  nhiệm thu.

Ủ  nhiệm thu được  p dụng trong thanh toán tiền hàng và dịch vụ (tr  tiền điện, nước, cước phí bưu điện,...) giữa người mua và người bán trên cơ sở hợp đồng kinh tế hay đơn đặt hàng. Thanh toán Ủ  nhiệm thu xuất phát do người bán lập và nộp vào ngân hàng nơi mình mở tài khoản, để uỷ nhiệm cho Ngân hàng thu hộ số tiền của người mua theo chứng từ thanh toán hợp lệ, hợp pháp.

Ủ  nhiệm thu có thể thanh toán trong phạm vi một Ngân hàng hay hai Ngân hàng cùng hệ thống hoặc khác hệ thống. Tuy nhiên trong nền kinh tế thị trường hình thức thanh toán bằng Ủ  nhiệm thu thường là thanh toán chậm trễ, vì chứng từ xuất phát từ bên thụ hưởng, song theo nguyên tắc đòi hỏi phải ghi nợ trước, ghi có sau nên chứng từ phải luân chuyển qua nhiều khâu gây vòng vèo  ch tắc trong thanh toán.

1.2. Th  thức thanh toán bằng Ủ  nhiệm chi - chuyển tiền.

Ủ  nhiệm chi thực chất là lệnh chi tiền của chủ tài khoản lập theo mẫu in sẵn của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng phục vụ mình (nơi mở tài khoản tiền gửi) trích chuyển một khoản tiền từ tài khoản của mình trả cho người thụ hưởng.

Ủ  nhiệm chi có thể thanh toán trong phạm vi một Ngân hàng hoặc khác ngân hàng, có đặc điểm thanh toán nhanh, thủ tục đơn giản, do đơn vị mua chủ động phát hành sau khi họ đã hoàn thành việc nhận hàng hóa hay dịch vụ của bên bán. Như vậy, việc thu hồi vốn của bên bán bị phụ thuộc vào bên mua, nếu bên mua gặp khó khăn về tài chính thì quyền lợi của bên bán cũng bị ảnh hưởng. Mặt khác,  p dụng th  thức thanh toán bằng Ủ  nhiệm chi thì khả năng kiểm soát của ngân hàng bị hạn chế, vì quyền chủ động chi trả phụ thuộc vào chủ tài khoản, nếu đến hạn trả tiền mà người mua chưa trả thì ngân hàng cũng không kiểm soát được. Do vậy mà th  thức thanh toán bằng Ủ  nhiệm chi thường được  p dụng

đ i v i c c t  chức kinh t  c  s  t n nhi m lẫn nhau trong quan h  mua bán và c  khả năng tài chính tương đ i  n định.

1.3. Th  thức thanh to n bằng thư t n dụng (L/C).

Thư t n dụng đ c dùng đ  thanh to n tiền hàng trong đi u kiện bên bán đ i h i bên mua phải c  đủ tiền đ  chi trả ngay và ph  hợp v i t ng s  hàng đ  giao theo hợp đ ng hoặc đơn đặt hàng đ  ký. Thư t n dụng đ c  p dụng thanh to n gi ra 2 bên mua - bán c  tài khoản   2 Ngân hàng khác nhau và thông thường c ng h  thống.

Khi c  nhu cầu, bên mua phải lập gi y mở thư t n dụng y u cầu ngân hàng phục vụ mình trích tài khoản tiền gửi (hoặc tiền vay của ngân hàng) lưu ký vào tài khoản tiền gửi mở thư t n dụng, s  tiền bằng t ng giá trị hàng hóa đặt mua. Mức tiền t i thi u của một thư t n dụng là 10 triệu đ ng. Theo quy định, tiền gửi thư t n dụng không đ c hưởng lãi và m i thư t n dụng chỉ dùng đ  trả cho một người bán. Thời hạn hi u lực thanh to n của 1 thư t n dụng là 03 tháng kể từ ngày Ngân hàng bên mua nhận mở thư t n dụng.

Hình thức này chủ yếu đ c sử dụng trong thanh to n qu c t , nơi mà người mua và người bán thường không quen biết nhau nên họ phải thận trọng trong qu  trình thanh to n.

1.4. Th  thức thanh to n bằng Ngân phi u thanh to n.

Ngân phi u thanh to n là phương ti n thanh to n thay tiền mặt do Ngân hàng Nhà nước đ c quyền phát hành. Ngân phi u thanh to n dùng đ  chi trả tiền hàng hóa, dịch vụ, trả nợ, làm nghĩa vụ Ngân sách, nộp vào tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, gửi tiết kiệm, .v.v...

Ngân phi u thanh to n c  ghi mệnh giá (g m 06 loại từ 100.000 đ ng đến 50.000.000 đ ng) c  thời hạn lưu hành, không ghi tên và đ c chuyển nhượng không phải qua 1 thủ tục nào, phạm vi thanh to n rộng khắp trong cả nước.

Đ c đi m của Ngân phi u thanh to n là mệnh giá cao nên gọn, nhẹ, thanh to n rất thuận ti n “g n như” thanh to n bằng tiền mặt nên hi n nay đ c  a dùng (chỉ khác tiền mặt là Ngân phi u thanh to n c  quy định thời hạn). Nghiệp

vụ thu - chi Ngân phiếu thanh toán cũng rất nhanh chóng, thuận tiện. Khi khách hàng không sử dụng Ngân phiếu thanh toán nữa hay khi Ngân phiếu hết thời hạn lưu hành, họ có thể nộp Ngân phiếu vào Ngân hàng để ghi có vào tài khoản tiền gửi của mình hoặc đổi lấy tiền mặt hoặc đổi lấy Ngân phiếu đang còn giá trị lưu hành vì Ngân phiếu thanh toán chỉ được lưu hành trong thời hạn quy định ghi trên tờ Ngân phiếu, Ngân hàng cơ sở có trách nhiệm tiếp nhận Ngân phiếu thanh toán hết hạn sử dụng (chậm nhất là ngày ghi sẵn trên tờ Ngân phiếu) và điều chuyển ngay về Ngân hàng Nhà nước Trung ương. Nếu quá hạn thì người có Ngân phiếu thanh toán phải chịu một tỷ lệ phạt theo quy định và được đổi lấy Ngân phiếu thanh toán mới.

1.5. Thẻ thức thanh toán bằng thẻ thanh toán (Card).

Thẻ thanh toán là một phương tiện công cụ thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ mà không dùng tiền mặt hoặc có thể dùng để rút tiền mặt tại các ngân hàng đại lí hoặc các máy rút tiền tự động

Thẻ thanh toán là công cụ thanh toán chủ yếu phục vụ cho thanh toán cá nhân, thay tiền mặt thông dụng trên toàn thế giới. Dùng thẻ thanh toán đã thay thế cho việc luân chuyển một phần tiền mặt từ nơi này sang nơi khác ở trong nước và nước ngoài, đem lại những lợi ích kinh tế to lớn và văn minh ngân hàng.

- Nếu xét về nội dung kinh tế thì thẻ thanh toán được chia thành 3 loại:

+ **Thẻ ký quỹ:** Là thẻ trước khi phát hành khách hàng phải đến Ngân hàng xin trích tài khoản của mình để lưu ký vào tài khoản “Tiền gửi thẻ thanh toán” nhằm đảm bảo khả năng thanh toán cho thẻ. Loại thẻ này thường áp dụng cho những khách hàng chưa có tín nhiệm với Ngân hàng.

+ **Thẻ không phải ký quỹ:** Là loại thẻ mà người sử dụng thẻ không phải lưu ký số tiền để đảm bảo khả năng thanh toán cho thẻ, khi thanh toán được tiến hành trực tiếp từ tài khoản của người phát hành thẻ. Loại này thường áp dụng đối với khách hàng có tín nhiệm với ngân hàng.

+ **Th  t n d ng:** L  loại th  khi ph t h nh kh ch h ng đ c ng n h ng cho vay để đảm bảo thanh to n th . S  tiền cho vay để thanh to n th  đ c hạn ch  theo hạn mức t n d ng.

- Nếu xét về nội dung kỹ thuật, thì th  thanh to n đ c thiết k  bằng nhựa cứng (plastic) c  hình chữ nhật chung một kích c  96mm x 54mm, c  g c tròn hai mặt. Bao g m c  nhiều loại kh c nhau phụ thuộc vào hệ thống kỹ thuật khi xử lý th . Hiện nay chúng ta thông thường ph n chia thành 2 loại: Th  điện tử và th  thông minh.

Th  thức thanh to n th  mặc dù đã đ c quy định l  một trong nh ng th  thức thanh to n không dùng tiền mặt ở nước ta, nhưng do trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ dân trí, điều kiện cơ sở vật chất, vốn và nền kinh tế nước ta chưa đủ điều kiện để thực hiện rộng kh p ngay mà bước đầu mời thí điểm tại ng n h ng Ngoại thương từ 01/07/1993.

Cho đến nay ngành Ng n h ng nói riêng cũng như nước ta, đang cố gắng từng bước để th  thức thanh to n mới này nhanh chóng đ c  p dụng rộng rãi trong mọi tầng lớp dân cư, g p ph n làm phong phú, thuận tiện hơn trong công t c thanh to n không dùng tiền mặt ở nước ta,  p  ng đ c nhu cầu của nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng ph t triển.

1.6. Th  thức thanh to n bằng séc.

S c l  chứng từ thanh to n do chủ tài khoản ph t h nh, lập trên mẫu in sẵn của ng n h ng, ra lệnh cho ng n h ng trích tài khoản của mình trả cho bên thụ hưởng.

S c l  một hình thức của công cụ lưu thông tiền tệ đã c  từ lâu đời và đã đ c sử dụng một cách phổ biến trên kh p thế giới. Th  thức thanh to n bằng séc đòi hỏi việc mua - bán và thanh to n diễn ra đồng thời cùng một lúc, tức l  người mua đồng ý mua và trao cho bên bán tờ séc mà trên đó c  ghi rõ s  tiền bằng giá trị h ng hóa đã nhận đủ. S c phải đ c bảo quản chặt chẽ, nghiêm cấm ký, đóng dấu kh ng để ngăn ngừa tham   tài sản.

Thanh toán bằng séc có ưu điểm thuận tiện, rút ngắn thời gian từ khi giao hàng đến khi thu hồi vốn. Nhưng trong quá trình thực hiện cũng phát sinh tồn tại như: chủ tài khoản phát hành séc quá số dư, trong trường hợp này, mặc dù đơn vị phát hành séc bị xử phạt chậm trả trả cho người thụ hưởng, tuy nhiên bên thụ hưởng vẫn bị thiệt do vốn thu hồi chậm. Mặt khác, séc có thể bị sửa chữa, thất lạc, mất cắp,... nên đòi hỏi không được buông lỏng khâu quản lý, phải kiểm tra, kiểm soát, bảo quản chặt chẽ và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

1.7 Thẻ thức thanh toán điện tử:

Thanh toán điện tử là việc chuyển và hoàn tất một lệnh thanh toán **thông qua mạng máy tính** giữa các chi nhánh ngân hàng. Thanh toán điện tử có thể chuyển “Có” hoặc chuyển “Nợ” đã được uỷ quyền. Việc đối chiếu và tất toán các tài khoản trung gian thanh toán được thực hiện trong ngày.

Tổ chức hệ thống dịch vụ thanh toán với mô hình thanh toán điện tử và đối chiếu tập trung các Ngân hàng thương mại gắn liền với quá trình đổi mới công nghệ, hiện đại hoá ngân hàng Việt nam từng bước hoà nhập với hoạt động của các ngân hàng trong khu vực và ngân hàng Quốc tế là hoàn toàn mới mẻ.

Đề án thí điểm thanh toán điện tử của NHCT Việt nam đã được thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam chuẩn y bằng quyết định số 20/QĐ-NH ngày 16 tháng 01 năm 1995 cho phép hoạt động từ 01/07/1995.

Đối với NHCT Việt nam hệ thống này được cải tiến việc thanh toán từ luân chuyển chứng từ bằng thư, điện qua Bưu điện sang thực hiện thanh toán bằng máy tính và luân chuyển chứng từ qua MODEM thoại, chuyển từ các hình thức thanh toán Liên ngân hàng nội tỉnh, thanh toán Đồng thành sang một hình thức duy nhất là thanh toán Liên ngân hàng trong hệ thống NHCT Việt nam và chứng từ kế toán được khôi phục từ máy vi tính. Việc cải tiến này đã làm tăng tốc độ thanh toán, tăng lưu lượng thanh toán, tăng thêm khối lượng vốn đáng kể cho hệ thống NHCT VN, nhưng hình thức thanh toán này còn có hạn chế là khối lượng báo cáo và lập sổ đối chiếu ở NHCT Việt nam rất lớn, chậm trễ hơn trước, chậm phát hiện các sai lầm hoặc rủi ro thông tin trong thanh toán. Mặt khác, do

sự phát triển của Công nghệ thông tin, các yêu cầu luân chuyển vốn của nền kinh tế đòi hỏi tốc độ cao, chính yêu cầu quản lý và kiểm soát hoạt động của lãnh đạo Ngân hàng Công thương. NHCT Việt nam đã mạnh dạn chọn phương án Thanh toán điện tử và đối chiếu qua lại các món thanh toán ngay trong ngày.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI

NHCT KVII - HBT

I/ VÀI NÉT VỀ NHCT KVII - HBT

Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng là một ngân hàng công thương cấp quận trực thuộc Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Từ khi thành lập năm 1998 đến nay Ngân hàng Công Thương Hai Bà Trưng là một trong những ngân hàng trong hệ thống Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng nhiều năm liền đạt danh hiệu tiên tiến, kinh doanh có lãi là do chi nhánh luôn tự đổi mới mình cùng gắn liền với sự đổi mới của Ngân hàng Công thương Việt Nam . Nhất là khi ngành ngân hàng nước ta chuyển từ hệ thống một cấp sang hai cấp , bắt buộc các ngân hàng thương mại phải tự phấn đấu để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường . Trong quá trình hoạt động để đứng vững ở cơ chế thị trường , Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng luôn bám sát định hướng của Ngành , đồng thời thường xuyên chấn chỉnh công tác cơ cấu bộ máy tổ chức một cách phù hợp với mục tiêu kinh doanh trong các giai đoạn khác nhau.

Hiện nay cho đến cuối năm 2000, với tổng số cán bộ công nhân viên là 336 người được sắp xếp bố trí thành 8 phòng nghiệp vụ , 1 phòng giao dịch , 2 cửa hàng kinh doanh vàng bạc , cầm đồ , 11 quỹ tiết kiệm đặt rải rác tại 12 phường trên địa bàn Quận .Quận Hai Bà Trưng là một quận có địa bàn rộng với tổng diện tích tự nhiên khoảng 13000 ha và 35 vạn dân . Đây là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp Nhà nước, tư nhân, các công ty lớn nhỏ, tổ hợp sản xuất, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp và các bộ công thương. Điều này cho ta thấy thành phần khách hàng của Ngân hàng là rất đa dạng và chính yếu tố đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng Công Thương Hai Bà Trưng mở rộng khối lượng và qui mô kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, thanh toán và dịch vụ ngân hàng .

Trong công tác tài chính kế toán Chi nhánh đã đảm bảo tuân thủ Pháp luật và chế độ qui định nói chung. Phối hợp nghiệp vụ tín dụng thu nợ, thu lãi kịp thời

theo chế độ, thực hiện tiết kiệm theo phong trào và theo chỉ đạo và kế hoạch của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Do vậy tuy hai năm gần đây chênh lệch lãi suất bình quân đầu vào và đầu ra thấp, cạnh tranh giữa các ngân hàng gay gắt không chỉ ngoài hệ thống mà còn cả trong hệ thống Ngân hàng Công thương, cũng như tình hình kinh tế có chiều hướng giảm sút do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính Châu á làm cho các doanh nghiệp lâm vào tình trạng tài chính khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của bản thân Chi nhánh với nhiều giải pháp ban đầu có tác động tích cực đã góp phần cải thiện kết quả kinh doanh của Chi nhánh.

II /THỰC TRẠNG THANH TOÁN KHÔNG DỪNG TIỀN MẶT TẠI NHCT KVII - HBT

1. Tình hình chung.

Trong những năm gần đây hoạt động thanh toán của chi nhánh cũng đã được chú trọng bên cạnh những hoạt động kinh doanh chính như : Huy động vốn và sử dụng vốn (cho vay). Càng ngày hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt càng trở nên quan trọng và có tác động qua lại khăng khít với các hoạt động khác. Nó nổi lên như một hướng hoạt động mới cho tương lai của Chi nhánh. Hiện tại Chi nhánh thực hiện hoạt động thanh toán với các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt bao gồm:

- a) Séc chuyển khoản.
- b) Séc bảo chi.
- c) Séc chuyển tiền.
- d) Ủy nhiệm thu.
- e) Ủy nhiệm chi.
- f) Ngân phiếu thanh toán.

g) Thư tín dụng.

h) Các loại khác.

Trong hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt ở Chi nhánh có nhiều hoạt động thực tế không trực tiếp liên quan tới khách hàng như các hoạt động điều chuyển vốn trong nội bộ Chi nhánh hay trong hệ thống cũng như ngoài hệ thống... Những hoạt động này cũng làm phát sinh nhiều hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như lệnh điều chuyển vốn nội bộ, giấy nợ tiền, phiếu thu, phiếu chi và các loại chứng từ khác. Chúng đã đóng vai trò như các chứng từ, hoá đơn để chứng thực cho các hoạt động trên, không được Pháp luật cũng như thông lệ coi như là hình thức thanh toán được chấp nhận rộng rãi, chúng đã được chấp nhận bởi những tổ chức nhất định trong những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể rất hạn chế. Với những lý do trên các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt dạng này sẽ nằm ngoài và không được các chủ thể có phát sinh quan hệ thanh toán(ở đây là các khách hàng của ngân hàng) coi là hình thức thanh toán thay cho tiền mặt. Do vậy trong việc phản ánh thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Chi nhánh Ngân hàng Công thương II- Hai Bà Trưng dưới đây chỉ có 7 hình thức đầu tiên trong bảng liệt kê các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trên được đề cập.

2. Khái quát thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại chi nhánh Ngân hàng Công thương II- Hai Bà Trưng.

Cùng với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, hoà nhập vào với sự chuyển mình ngành Ngân hàng nói chung và hệ thống Ngân hàng Công thương Việt Nam nói riêng. Chi nhánh Ngân hàng Công thương II- Hai Bà Trưng hoạt động trên phạm vi một quận không ngừng đổi mới hoạt động tổ chức kinh doanh của mình, nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn cũng như cung cấp dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế, không chỉ cho quận mình mà còn đáp ứng cả các quận huyện lân cận. Hai Bà Trưng là một quận với một nền kinh tế đa thành phần,

khách hàng là những doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ sản xuất, công ty trách nhiệm hữu hạn, hộ cá thể và cá nhân, với số tài khoản tiền gửi lên tới 4153 tài khoản có nhu cầu thanh toán qua ngân hàng. Do đó, để khai thác và thu hút tối đa thị trường của mình, cũng như khách hàng lân cận trên địa bàn Hà Nội đòi hỏi Ngân hàng Công thương II- Hai Bà Trưng không ngừng quan tâm, chú trọng đến công tác thanh toán không dùng tiền mặt.

Doanh số thanh toán không dùng tiền mặt tại Sở giao dịch I Ngân hàng Công thương Việt nam những năm gần đây đã chiếm ưu thế hơn hẳn so với thanh toán bằng tiền mặt. Chúng ta cùng xem xét số liệu tình hình thanh toán của 06 tháng cuối năm 2000 (bảng 1).

**TÌNH HÌNH THANH TOÁN 06 THÁNG CUỐI NĂM 2000
TẠI NHCT KVII HBT**

đơn vị : triệu đồng

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 1999	
	Số tiền	%
<i>Thanh toán không dùng TM</i>	8.578.139,67	78,66
<i>Thanh toán bằng tiền mặt</i>	2.326.395	21,34
<i>Tổng thanh toán chung</i>	10.904.534,67	100

Bảng 1

Như vậy, doanh số thanh toán không dùng tiền mặt tại chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT khá cao, chiếm đa số trong tổng doanh số thanh toán nói chung (khoảng 96%). Sở dĩ tình hình thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ trọng lớn như vậy là do chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT đã đáp

ứng được mọi nhu cầu rút tiền mặt của khách hàng, việc chuyển hóa từ tiền mặt sang chuyển khoản và ngược lại rất dễ dàng, do vậy khách hàng không phải tích trữ tiền mặt nữa mà gửi vào tài khoản và nhờ chi nhánh đứng ra thanh toán, chỉ khi nào cần thiết mới phải rút tiền mặt từ tài khoản. Các doanh nghiệp đều hướng tới thanh toán bằng chuyển khoản mà không tìm cách gây áp lực về tiền mặt.

Mặt khác, hàng ngày chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII HBT còn tham gia thanh toán bù trừ với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Hà nội (02 phiên/01 ngày).

Cùng với những cải tiến của Ngân hàng Nhà nước Hà nội trong việc thanh toán séc bảo chi khác hệ thống được ghi Nợ - Có đồng thời tại phiên giao dịch bù trừ đã tạo điều kiện cho việc thanh toán giữa các hệ thống diễn ra nhanh chóng và thông suốt, thời gian thanh toán trên địa bàn giảm từ 3-4 ngày xuống còn 1-2 ngày. Bên cạnh đó, chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT đang áp dụng thí điểm hệ thống thanh toán điện tử rất hấp dẫn với tuyệt đại bộ phận khách hàng vừa nhanh chóng, thuận tiện, phí dịch vụ lại khá rẻ (2.000^D/món cho TTBT nội tỉnh khác hệ thống và 0,1% đối với TTDT ngoại tỉnh) theo khảo sát của tôi thấy rẻ hơn rất nhiều so với chuyển tiền của Bưu điện. Bởi vậy có rất nhiều khách hàng đã tham gia vào hệ thống thanh toán của ngân hàng

Chính những lý do trên đã làm cho doanh số thanh toán không dùng tiền mặt tại Sở giao dịch I Ngân hàng Công thương Việt nam chiếm tỷ lệ cao trong tổng số thanh toán chung qua các thời kỳ, góp phần tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn của toàn bộ nền kinh tế, giảm được sự lạm phát của tiền tệ.

Như ta đã biết, ban hành các hình thức thanh toán là do Ngân hàng, nhưng việc lựa chọn hình thức nào để thanh toán giữa người mua và người bán lại do chính khách hàng quyết định. Hình thức mà khách hàng lựa chọn phải gắn liền với sự vận động của vật tư và tiền tệ, phải đảm bảo quyền lợi cho 2 bên mua - bán. Chính vì lẽ đó, khi lựa chọn một hình thức thanh toán nào khách hàng thường căn cứ vào các chỉ tiêu sau:

- + Các quy định cụ thể về một hình thức thanh toán.
- + Điều kiện sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.
- + Mức độ tín nhiệm đối với mỗi bạn hàng.
- + Trình độ, trang thiết bị kỹ thuật thanh toán của Ngân hàng.
- + Thói quen sử dụng các công cụ truyền thống.

**2/ CÁC HÌNH THỨC THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT ĐANG ÁP DỤNG
TẠI NHCT KVII - HBT:**

Hiện nay, tại NHCT KVII - HBT đang áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt sau:

- Ủy nhiệm chi - chuyển tiền.
- Ủy nhiệm thu.
- Séc.
- Thư tín dụng.
- Ngân phiếu thanh toán.
- Hệ thống thanh toán Điện tử
- Còn hình thức thanh toán bằng thẻ thanh toán chưa được triển khai ở

NHCT KVII - HBT.

Để đánh giá một cách khách quan và chính xác tình hình thanh toán không dùng tiền mặt tại NHCT KVII - HBT, ta phân tích bảng số liệu về cơ cấu thanh toán của 06 tháng cuối năm 2000 (bảng 1)

Qua số liệu ở bảng này ta thấy trong cơ cấu thanh toán không dùng tiền mặt ở Sở giao dịch I Ngân hàng Công thương Việt nam thì hình thức thanh toán bằng uỷ nhiệm chi là được khách hàng ưa dùng nhất. Doanh số thanh toán bằng uỷ nhiệm chi - chuyển tiền bao giờ cũng chiếm đa số (trung bình xấp xỉ 89,67%) trong khi đó doanh số thanh toán bằng các hình thức khác như séc chỉ chiếm khoảng 4,5%, uỷ nhiệm thu chiếm 0,42%, Ngân phiếu thanh toán khoảng 5,41%, thư tín dụng 0%. Cụ thể là:

2.1. Hình thức uỷ nhiệm chi:

Là hình thức thanh toán được áp dụng nhiều nhất mặc dù chỉ chiếm khoảng 19,5% về số món nhưng về doanh số luôn chiếm tỷ trọng cao (trung bình 06 tháng cuối năm 2000 là 36,28%), như vậy uỷ nhiệm chi dùng để thanh toán các món có số tiền lớn và dùng để chuyển tiền cũng nhiều. Nguyên nhân là do hình thức thanh toán bằng uỷ nhiệm chi có phạm vi thanh toán rất rộng giữa các khách hàng cùng hoặc khác hệ thống ngân hàng, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc mua - bán hàng hóa. Bởi vì nước ta hiện nay nền kinh tế hàng hóa đã phát triển mạnh mẽ, thị trường không chỉ bó hẹp trong một khu vực, một vùng mà trải rộng trên phạm vi toàn quốc cũng như quốc tế. Mặt khác, thủ tục thanh toán uỷ nhiệm chi cũng hết sức đơn giản, người mua chỉ cần viết uỷ nhiệm chi gửi tới ngân hàng, sau 1 - 2 ngày, có khi chỉ vài giờ bên bán đã nhận được tiền, bên bán không cần phải đến ngân hàng làm thủ tục thanh toán như các hình thức khác. Uỷ nhiệm chi thường được sử dụng để thanh toán giữa 2 bên mua - bán đã tín nhiệm nhau, cũng dùng để thanh toán giữa 2 bên mua - bán có mức độ tín nhiệm chưa cao, bên bán chỉ xuất hàng khi bên mua xuất trình 01 liên uỷ nhiệm chi đã có dấu, chữ ký của ngân hàng. Một nguyên nhân nữa làm cho doanh số thanh toán bằng uỷ nhiệm chi ở chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT cao là do khi khách hàng có tài khoản tại ngân hàng đi mua hàng ở khác địa phương, khác hệ thống thì họ thường viết uỷ nhiệm chi để xin cấp séc cầm tay (qua Ngân hàng Nhà nước).

2.2. Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu:

Rất hay bị chậm trễ do chứng từ phải luân chuyển qua nhiều công đoạn. Đồng thời nó lại tách rời sự vận động của hàng hóa với sự vận động của tiền tệ, gây nên tình trạng chiếm dụng vốn giữa bên mua và bên bán, mà chủ yếu là gây thiệt thòi cho bên bán do chậm trễ trả tiền. Bởi vậy, hình thức này ở chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT có số món chiếm tỷ trọng 2,37% và doanh số chiếm tỷ trọng rất thấp (khoảng 0,2%) trong tổng số thanh toán không dùng tiền mặt của khách hàng, chủ yếu do các đơn vị cung ứng dịch vụ thường xuyên như: Bưu điện Hà nội, Cty điện lực, Cty kinh doanh nước sạch Hà nội,... sử dụng để đòi tiền hàng của khách hàng của mình.

2.3. Qua khảo sát tình hình thanh toán ở chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT:

Ta thấy hình thức thanh toán bằng thư tín dụng không được khách hàng sử dụng (doanh số các tháng đều =0). Sở dĩ như vậy là do hình thức này không đáp ứng được các nhu cầu của khách hàng và thường mang thiệt thòi cho họ.

Ta biết rằng, khách hàng lựa chọn thanh toán bằng thư tín dụng khi họ không quen biết nhau và không tín nhiệm nhau với những khoản tiền lớn, cho nên hình thức này thường được sử dụng trong thanh toán quốc tế đối với các đơn vị xuất - nhập khẩu hàng hóa. Nhưng khi thanh toán trong nội địa, việc mở thư tín dụng và thủ tục thanh toán hết sức phức tạp, quy trình luân chuyển chứng từ rất vòng vèo, gây chậm trễ trong thanh toán. Mặt khác, mỗi thư tín dụng chỉ áp dụng cho 01 khách hàng và mức tối thiểu là 10.000.000 đồng. Như vậy, để giao dịch với nhiều bạn hàng, người mua (là khách hàng của ngân hàng) phải mở nhiều thư tín dụng và họ cũng không thể dùng thư tín dụng để thanh toán cho các khoản nhỏ. Do đó hình thức này sẽ gây ứ đọng vốn rất lớn cho khách hàng, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của họ, trong khi đó lại có các hình thức thanh toán khác như uỷ nhiệm chi, séc,... với thủ tục đơn giản hơn nhiều mà vẫn đảm bảo khả năng thanh toán.

2.4. Hình thức thanh toán bằng Ngân phiếu thanh toán:

Gần đây Ngân phiếu thanh toán đi vào lưu thông đã tỏ rõ là công cụ đặc lực góp phần giảm áp lực tiền mặt trong thanh toán và ngày càng được ưa chuộng sử dụng rộng rãi. Tại chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT hình thức thanh toán này chiếm tỷ trọng khoảng 2,95% trong tổng số thanh toán không dùng tiền mặt 06 tháng cuối năm 2000.

Ngân phiếu thanh toán lưu hành trong lưu thông có đặc điểm gọn nhẹ do có mệnh giá cao, không ghi tên, được phép chuyển nhượng. Hiện nay trong thực tế, ngân phiếu thanh toán dùng để thanh toán những món tiền tương đối nhỏ, còn những món lớn khách hàng sử dụng uỷ nhiệm chi, séc bảo chi, séc chuyển khoản. Qua thực tế thanh toán bằng ngân phiếu thanh toán có những ưu điểm trên song bên cạnh đó còn có những hạn chế và tồn tại như: Khi nộp ngân phiếu vào ngân hàng, khách hàng phải chờ cán bộ kiểm ngân kiểm tra s ri, ngân phiếu thật giả,... mất nhiều thời gian. Hơn nữa Ngân phiếu được in theo kỹ thuật công nghệ đặc biệt, chi phí cao không kém chi phí in tiền mà thời hạn thường chỉ 3 - 6 tháng (để tránh in Ngân phiếu giả) cho nên rất tốn kém.

2.5 Phương thức thanh toán séc:

Cho đến nay séc vẫn là hình thức thanh toán trực tiếp dễ được khách hàng chấp nhận. Qua số liệu cụ thể tình hình thanh toán bằng séc tại chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT 06 tháng đầu năm 2000 ta thấy: Tổng khối lượng thanh toán bằng séc là 4.952 món với tổng số tiền là 455.510 triệu đồng, chiếm xấp xỉ 4,83% tổng giá trị thanh toán không dùng tiền mặt của khách hàng. Bình quân số tiền của một món thanh toán đạt 91,98 triệu đồng.

Thực tế cho thấy rằng, hình thức thanh toán bằng séc ở chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT được khách hàng sử dụng ít hơn so với UNC , biểu hiện là doanh số thanh toán bằng séc qua các tháng đều thấp hơn loại thanh toán này.

Nguyên nhân này là do phạm vi thanh toán của séc còn bó hẹp, chỉ thanh toán trong cùng hệ thống, nếu khác hệ thống thì phải trong cùng địa bàn Tỉnh, Thành phố. Điều này gây bất lợi cho khách hàng. Ví dụ như nếu khách hàng có

tài khoản tiền gửi tại chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT có nhu cầu mua hàng của một đơn vị khác có tài khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp Tỉnh Lạng Sơn thì trong trường hợp này người khách hàng không thể phát hành séc để thanh toán được. Hơn nữa thủ tục thanh toán séc cũng tương đối phức tạp không phải khách hàng nào cũng có thể hiểu và sử dụng thành thạo phương thức thanh toán này.

Theo quyết định 22/QĐ-NH1 ngày 21/02/1994 của Thống đốc NHNN Việt Nam và nghị định số 30/CP ngày 09/05/1996 của Thủ tướng Chính phủ thì chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT được triển khai áp dụng các hình thức thanh toán bằng séc như sau:

- +Séc chuyển khoản
- +Séc bảo chi
- +Séc cá nhân

Thực tế tình hình thanh toán của các hình thức séc trên hết sức khác nhau. Vì mỗi hình thức séc đều có ưu điểm và hạn chế riêng phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của từng loại khách hàng. Chúng ta hãy xem cơ cấu thanh toán ở chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT tại thời điểm 06 tháng cuối năm 2000 qua bảng số liệu (bảng 3)

T NG THỰC T  THANH TO N B NG S C
T I NHCT KVII - HBT 6 TH NG CU I N M 2000

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	SỐ MÓN	%	DOANH SỐ	%
S�c chuyển khoản	3.637	73,44	179.534	39,41
S�c bảo chi	1.306	26,37	273.913	60,13
S�c cá nhân	9	0,19	2.163	0,46

B ng 3

Đễ dàng nhận thấy rằng ở chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT hiện nay, các hình thức s c đ c khách hàng sử dụng đ  thanh to n là s c chuyển khoản, s c bảo chi và s c cá nhân, còn hình thức thanh to n s c định mức cho đến nay chưa đ c khách hàng nào sử dụng.

2.5.1 S c chuyển khoản

S c chuyển khoản dùng đ  thanh to n giữa 2 đơn vị có tài khoản ở cùng 1 chi nhánh NH, hay cùng hệ thống hoặc hệ thống nhưng trên cùng địa bàn có tham gia thanh to n bù trừ. Khách hàng nào có nhu cầu và có tài khoản tại chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT đều đ c mua s c đ  thanh to n, sau đó khách hàng tự phát hành s c chuyển khoản đ  đi mua hàng khi đã tho  thuận đ c với người bán là sẽ thanh to n bằng phương tiện này. Bởi thế, việc phát hành s c chuyển khoản rất đơn giản, tránh đ c nhiều thủ tục kế to n phiền hà, cho nên người mua rất thích thanh to n bằng phương tiện này. Thủ tục hạch to n s c chuyển khoản cũng rất đơn giản không phải thông qua một tài khoản trung gian như s c bảo chi, đặc biệt 2 bên mua - bán đều mở tài khoản tại NH.

Tuy nhiên việc thanh to n bằng s c chuyển khoản đã bộc lộ nhược điểm: có khi bên mua lợi dụng đ  phát hành quá số dư nên đòi hỏi phải tuân thủ nguyên

tắc ghi nợ trước, ghi có sau. Do vậy, đối với người bán khi nộp séc vào NH phục vụ mình thì chưa được ghi Có ngay vào tài khoản mà phải đợi NH kiểm tra xem tài khoản của người mua có đủ khả năng thanh toán hay không. Nếu là thanh toán khác hệ thống cùng địa bàn thì bên bán phải đợi 1-2 ngày mới được ghi Có vào tài khoản của mình, do chứng từ còn phải luân chuyển sang Ngân hàng bên mua để trích Nợ tài khoản của bên mua trước. Trường hợp đơn vị mua hàng không đủ số dư thì bên bán phải đợi lâu hơn đến khi nào bên mua đủ tiền thanh toán, do đó bên bán bị chiếm dụng vốn, không đảm bảo được yêu cầu kịp thời và an toàn nên họ không thích dùng séc chuyển khoản. Điều này là một trong những nguyên nhân chính làm cho séc chuyển khoản ít được sử dụng trong thanh toán. Để khắc phục tình trạng phát hành séc quá số dư, ngân hàng đã áp dụng hình thức phạt đối với khách hàng khi vi phạm:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tiền phạt} & = & \text{Số tiền trên} & \times & \text{Số ngày} & \times & \% \text{ Lãi suất nợ} \\ \text{chậm trả} & & \text{tờ séc} & & \text{chậm trả} & & \text{quá hạn} \end{array}$$

Nếu đơn vị nào vi phạm lần đầu ngoài việc phạt tiền theo quy định xử phạt về vi phạm thanh toán và còn có công văn nhắc nhở để trách tái phạm.

Nếu vi phạm lần thứ hai, ngoài việc phạt tiền như vi phạm lần đầu còn bị đình chỉ quyền phát hành séc trong 06 tháng và thu hồi toàn bộ số séc chưa sử dụng của tổ chức, cá nhân vi phạm. Sau đó phải có cam kết không tái phạm của chủ tài khoản thì mới được khôi phục quyền phát hành séc. Danh sách những cá nhân và tổ chức bị cấm phát hành séc được thông báo trong toàn hệ thống NH thương mại. Nếu vẫn tiếp tục vi phạm thì cấm phát séc vĩnh viễn.

Số tiền phạt chậm trả tính từ ngày NH nhận được tờ séc đến ngày tờ séc được thanh toán.

Số tiền phạt chậm trả được trả cho người bán

Tuy NH đã chú ý đến quyền lợi của khách hàng bán nhưng thực tế số tiền phạt chậm trả không đáng là bao so với thiệt hại của họ khi bị thanh toán chậm

trể. Do vậy không khuyến khích được người bán chấp nhận phương thức thanh toán séc chuyển khoản của người mua. Đối với người mua nhiều khi việc phát hành séc quá số dư không phải do cố ý, nhưng lại bị xử phạt nên trong quan hệ thanh toán cũng ít sử dụng hình thức thanh toán này mà họ thường áp dụng các hình thức thanh toán khác mà họ cảm thấy yên tâm hơn như UNC, NPTT...vv. Rõ ràng mức phạt như trên đã khắc phục được người mua phát hành séc chuyển khoản quá số dư nhưng nó cũng hạn chế ở chỗ người dùng luôn luôn phải tính toán, cân nhắc trong thanh toán.

Tình hình đó đã làm cho thanh toán bằng séc chuyển khoản trong 06 tháng cuối năm 2000 có 3637 món với doanh số 179.434.000.000 đ chiếm 73,44% về số món và 39,39% tổng doanh số thanh toán bằng séc ở chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII – HBT.

2.5.2. Séc bảo chi:

Séc bảo chi có ưu thế là rủi ro trong thanh toán thấp vì có sự đảm bảo trực tiếp trong thanh toán của NH, do đó nó được nhiều thành phần kinh tế ưa chuộng và hay sử dụng, nó chiếm tỷ trọng cao nhất trong phương thức thanh toán bằng séc tại chi nhánh Ngân hàng Công thương VII - HBT. Trong 06 cuối năm 2000 Séc bảo chi đã đạt kết quả thanh toán là 1.306 món, chiếm 26,37% về tổng số món thanh toán bằng séc với số tiền là 273.913.000.000 đ.

Khi có nhu cầu mua hàng bằng Séc bảo chi, khách hàng tự viết séc và 02 liên giấy yêu cầu bảo chi séc và đem đến NH làm thủ tục bảo chi ở mặt trước tờ séc, đồng thời NH trích tài khoản của khách hàng lưu ký vào tiền gửi đảm bảo thanh toán Séc bảo chi. Như vậy so với Séc chuyển khoản, thủ tục phát hành Séc bảo chi phức tạp hơn, nhưng độ an toàn trong thanh toán chắc chắn hơn.

Mặt khác, đối với Séc bảo chi thanh toán trong cùng hệ thống NH được ghi Có ngay người thụ hưởng. Còn Séc bảo chi được sử dụng để thanh toán ngoài hệ thống nhưng cùng địa bàn thì NH ghi Nợ - Có đồng thời trong phiên thanh toán bù trừ. Điều này rất tiện cho người bán vì chỉ sau 1- 2 ngày kể từ khi nộp séc

vào NH phục vụ, tiền sẽ về tài khoản của mình, họ không lo bị chiếm dụng vốn trong thanh toán.

Tuy nhiên, Séc bảo chi cũng có những nhược điểm nhất định liên quan đến phạm vi thanh toán séc. Cụ thể: Séc bảo chi không thể dùng được trong thanh toán khác địa phương, khác hệ thống, do đó không đáp ứng được nhu cầu thanh toán ngày càng mở rộng.

Bên cạnh đó, đối với trường hợp Séc bảo chi trong cùng hệ thống, NH phải tính ký hiệu mật. Công việc này cũng được thực hiện bằng tay nên dễ xảy ra sai sót, nhầm lẫn, như vậy gây chậm chễ trong thanh toán, thiệt thòi cho người bán khi NH phải điện tra soát nhau mỗi khi xảy ra sai lầm ký hiệu mật trên tờ séc.

2.5.3 Séc cá nhân:

Séc cá nhân là một trong những hình thức thanh toán mới được ban hành theo quyết định số 22/QĐ-NH1 của Thống đốc NHNN Việt nam. Từ khi có quyết định ban hành SGD I NHCT VN đã tuyên truyền quảng cáo và khuyến khích mọi tầng lớp dân cư đến mở tài khoản, tính đến cuối tháng 12/2000 đã có 1.180 tài khoản cá nhân được mở.

Mặc dù việc phát hành và sử dụng Séc cá nhân có lợi ích rất lớn không chỉ cho người phát hành mà cho cả xã hội và NH nói chung. Tuy vậy hình thức thanh toán này còn đạt doanh số rất thấp so với hình thức thanh toán của các loại séc khác. Biểu hiện trong 06 tháng cuối năm 2000 tổng khối lượng thanh toán bằng séc cá nhân chỉ có 09 món nhưng với doanh số khá cao là 2.163.000.000 đ, chỉ đạt tỷ lệ 0,18% về số món và 0,47% tổng doanh số thanh toán bằng séc tại chi nhánh Ngân hàng Công thương KVII - HBT.

Nguyên nhân là do phạm vi thanh toán của Séc cá nhân còn quá hạn hẹp chỉ dùng để thanh toán cho người thụ hưởng có tài khoản tại cùng một chi nhánh NH, hoặc giữa các chi nhánh NH cùng hệ thống hoặc khác hệ thống có tham gia thanh toán bù trừ trên địa bàn Tỉnh, Thành phố mà chưa được thanh toán trên phạm vi cả nước. Hiện nay Séc cá nhân chỉ dùng để thanh toán với những người

có tài khoản tiền gửi tại NH, điều này rất hạn chế tính linh hoạt của phương thức thanh toán bằng séc.

Mặt khác, những người có tài khoản cá nhân vẫn lúng túng, chưa thể phát hành séc cá nhân để thanh toán rộng rãi vì chưa có đầu ra sẵn sàng chấp nhận loại séc này. Người bán vẫn còn nghi ngại chưa dám đồng ý thanh toán bằng hình thức này.

Đây là những trở ngại lớn nhất trong việc khẳng định và phát triển việc thanh toán bằng Séc cá nhân trong xã hội, nhất là trong giai đoạn phát triển hiện nay. Trong thời gian này, mỗi NH cần tìm các biện pháp nhằm tăng doanh số thanh toán bằng Séc cá nhân vì đây là hình thức thanh toán rất đơn giản, đem lại nhiều lợi ích cho cá nhân và toàn xã hội

Tóm lại: Tình hình thanh toán không dùng tiền mặt ở Sở giao dịch I Ngân hàng Công thương Việt nam rất sôi động với doanh số khá lớn, trong đó hình thức thanh toán bằng uỷ nhiệm chi chuyển tiền chiếm tỉ lệ cao nhất. Tuy nhiên hình thức thanh toán này có hạn chế hơn so với thanh toán bằng séc, đó là sự tách rời giữa sự vận động của hàng hóa với sự vận động của tiền tệ. Cho nên việc thanh toán bằng séc có những ưu điểm mà hình thức thanh toán khác không thể có được.

CHƯƠNG III**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI CHI NHÁNH NHCT KVII – HBT**

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, các quan hệ kinh tế không ngừng được mở rộng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Để ngân hàng thực sự là cầu nối liên giữa các quan hệ kinh tế thông qua các nghiệp vụ tín dụng và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng cung cấp, đúng với vai trò, chức năng của nó là một trung gian tài chính trong nền kinh tế thị trường thì hệ thống, ngành ngân hàng phải không ngừng đổi mới hiện đại hoá ngân hàng ở tất cả các mặt (tổ chức quản lý nhân lực, cơ sở vật chất, hiện đại hoá khâu thanh toán,...) của mình để tạo ra môi trường tài chính vững mạnh cho các đơn vị, các thành phần kinh tế tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao và góp phần ổn định nền kinh tế quốc gia.

Vì ngân hàng là một ngành nghề có liên quan chặt chẽ với tất cả các hoạt động của đời sống, kinh tế - xã hội của đất nước, cho nên một sự biến đổi hoạt động kinh doanh dù nhỏ hay lớn, ở một bộ phận hay toàn bộ hoạt động của nó trong một ngân hàng hay cả hệ thống những tác động tới tất cả các hoạt động trong ngân hàng đó mà còn tác động tới tất cả hệ thống, ngành ngân hàng và các hoạt động kinh tế - xã hội, cũng như sự nhạy cảm của nó với sự biến đổi của nền kinh tế, chính trị - xã hội của đất nước theo chiều thuận. Do đó để khắc phục hạn chế những tồn tại và từng bước nâng cao, hoàn thiện công tác thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng nước ta hiện nay thì không những tự ngân hàng phải đổi mới và hiện đại hoá mà cần có sự phối hợp của nhà nước, Chính phủ trong việc xây dựng, phát triển nền tài chính quốc gia hoàn thiện và phát triển công tác thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng ở nước ta hiện nay.

I. CÁC GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG II - HAI BÀ TRUNG.

1. Chi nhánh vẫn tiến hành nâng cao các cơ sở vật chất ở các địa điểm có giao dịch trực tiếp với khách hàng, cụ thể là các quầy thanh toán. Bởi đây là bộ mặt giao dịch của ngân hàng, phần nào đó tạo ra sự tin tưởng, sự hân diện của khách hàng khi bước vào đây. Qua đó phần nào thu hút các khách hàng là cá nhân tới thực hiện giao dịch với chi nhánh.

2. Đối với các nhân viên nói chung hay nhân viên thực thanh toán, cần thực hiện văn minh công sở, tạo ra môi trường làm việc nghiêm túc, lịch sự qua đó chiếm được cảm tình của khách hàng tới giao dịch.

3. Triển khai vi tính hoá và mạng hoá phòng thanh toán, áp dụng đồng bộ các trương trình, phần mềm chuyên ngành, giảm thiểu công tác ghi chép bằng tay và hồ sơ giấy tờ để tránh mất mát và sai sót. Đi đôi với việc làm trên cần nâng cao trình độ vi tính của các cán bộ ở phòng thanh toán. Qua đó giảm thiểu các nhân viên thực hiện thanh toán, nâng cao chất lượng về năng suất công việc tạo ra sự phát triển dần dần ổn định. Số cán bộ, nhân viên không đủ khả năng cần bố trí sang công tác khác hay thôi việc nếu trình độ quá yếu.

4. Thực hiện chế độ thưởng thích đáng đối với người làm việc có năng suất cao, trung thực và kỉ luật nghiêm minh những cán bộ có biểu hiện tham nhũng, gian lận và có thái độ phục vụ khách hàng không đúng mức.

5. Tiến hành đàm phán, mở các tài khoản chuyên phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt với những ngân hàng bạn có quan hệ thanh toán thường xuyên nhằm đẩy nhanh thời gian thanh toán.

6. Cải tiến công tác marketing trong ngân hàng cụ thể là :

+ Phải tuyên truyền quảng cáo về các dịch vụ của ngân hàng để mọi người hiểu và tham gia sử dụng .

6.1. Cung cấp một số dịch vụ miễn phí nhằm lôi kéo khách hàng, tín dụng qua đó có dịp giới thiệu để khách hàng biết tới những sản phẩm tiện lợi khác của ngân hàng.

6.2. Đưa ra các chương trình bốc thăm, quay số số(trúng thưởng) trên các số liệu tài khoản của khách hàng. Nhằm tạo ra động lực vật chất và một thứ quan tâm là tiêu khiển có lợi cho khách hàng.

6.3. Và các biện pháp marketing khác. Nhưng phải phối hợp sao cho tạo ra hiệu quả cao nhất đối với khách hàng.

7. Thay đổi cơ bản công tác thông tin cho khách hàng cụ thể là :

7.1. Đối với công tác báo có, báo nợ: thay vì hiện tại khách hàng thường xuyên phải tới ngân hàng để biết và nhận các giấy tờ báo nợ, báo có. Chi nhánh nên phối hợp với Bưu điện thực hiện dịch vụ đưa báo có, báo nợ hay các bản thông báo về số dư tài khoản của khách hàng một cách thường xuyên. Nếu có sai sót Bưu điện hay khách hàng không nhận được các tài liệu cần thiết thì ngân hàng sẵn sàng cung cấp kịp thời các bản sao cho khách hàng. Tạo cho khách hàng thuận tiện ngay cả khi ngồi ở nhà hay tại công sở cũng có thể thực hiện, kiểm tra hoạt động thanh toán trên tài khoản của mình một cách cập nhật nhất mà không cần phải có một hệ thống vi tính nối mạng tới từng khách hàng tồn kém.

7.2. Đối với những sự thay đổi về chính sách hay của ngân hàng đối với khách hàng cũng cần phải có các bước thông báo tới khách hàng. Qua đó tạo ra sự gần gũi, phục vụ chăm sóc tận tình của ngân hàng đối với khách hàng.

8. Mở rộng, tiến hành áp dụng thêm các hình thức thanh toán mới thuận tiện và hiện đại hơn như: thẻ tín dụng, máy rút tiền tự động(ATM)...

9. Thực hiện công tác sàng lọc khách hàng kĩ hơn. Đối với những khách hàng quen biết, tình hình tài chính lành mạnh có thể linh động cho áp dụng các hình thức thanh toán mới hoặc các hình thức ít đòi hỏi cho việc ký quỹ hay làm giảm vốn kinh doanh của khách hàng. Qua đó tạo điều kiện thúc đẩy khách hàng kinh doanh tạo lợi nhuận và cũng gần bó mật thiết hơn với chi nhánh.

II. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Đối với séc chuyển khoản.

1.1.Ngân hàng nhà nước nên cho phép sử dụng tài khoản thấu chi và thực hiện bảo lãnh dư nợ tài khoản thấu chi bằng tín chấp.

Séc chuyển khoản hay là séc thông thường với nhược điểm dễ phát hành qua số dư mặc dù đó là điều cấm trong chế độ thanh toán, nhưng nhiều trường hợp người phát hành séc không có ý, hoặc số tiền để thanh toán chưa về kịp ngày hôm đó hay có khoản chi đột xuất... chỉ một vài ngày sau là số tiền của họ về đủ, dẫn tới người bán chậm thu được tiền hàng mà người mua lại bị phạt và từ đó làm cho thể thức này ít được sử dụng trong thanh toán. Trong khi đó thể thức thanh toán này hết sức đơn giản và thuận tiện cho khách hàng, đặc biệt đối với khách hàng là người mua. Việc ngân hàng cho phép dư nợ tài khoản thấu chi và thực hiện tín chấp dư nợ thấu chi khi séc phát hành quá số dư trong trường hợp khách hàng tạm thời thiếu tiền thì sẽ khắc phục được tình trạng khó khăn trong thanh toán bằng séc chuyển khoản và đẩy mạnh hình thức thanh toán này phát triển.

2. Đối với séc bảo chi:

2.1 Do tính đảm bảo chi trả của loại hình thanh toán không dùng tiền mặt này ngân hàng nhà nước cần mở rộng không gian hiệu lực của séc bảo chi. Cho phép sử dụng séc bảo chi ở những ngân hàng ngoài tỉnh và ngoài hệ thống. Điều này thực tế có lợi cho cả nhiều phía; người mua, người bán. Việc mua cho phép sử dụng séc bảo chi ngoài tỉnh và ngoài hệ thống phải giới hạn trong phạm vi sau.

2.1.1 Hai ngân hàng phải mở tài khoản lẫn nhau để thanh toán hay nói cách khác hai ngân hàng phải có quan hệ thanh toán thường xuyên và mỗi bên phải mở tài khoản thanh toán ở ngân hàng bên kia. Giao dịch thanh toán sẽ thực hiện qua hai tài khoản này.

2.1.2 Hai ngân hàng phải đệ trình nên ngân hàng nhà nước phê duyệt mới được thanh toán séc bảo chi ngoài tỉnh, ngoài hệ thống giữa hai ngân hàng này.

2.2 Đi đôi với mở rộng không gian thanh toán séc bảo chi ngân hàng nhà nước cần gia hạn thêm thời gian hiệu lực của séc bảo chi của những ngân hàng có cam kết như trên lên 25 ngày để đảm bảo đồng bộ và thúc đẩy thanh toán của hình thức thanh toán này.

2.3. Thủ tục sử dụng séc bảo chi nói chung cần đơn giản hoá. Đặc biệt là sử dụng séc bảo chi theo không gian và thời gian qui định hiện nay.

3. Đối với uỷ nhiệm thu:

Ngân hàng nhà nước cần thay đổi qui chế cho khuyến khích các uỷ nhiệm thu nhỏ qui định rõ trách nhiệm của người có trách nhiệm thanh toán... để từ đó ngân hàng có căn cứ(pháp luật) thực hiện chính sách mở rộng phạm vi thanh toán uỷ nhiệm thu hiện nay chủ yếu là lao vụ điện lực, điện thoại tới các khoản thanh toán về:

3.1. Thu phí bảo hiểm các loại hình, chi phí bảo hiểm đặc biệt là BHXH.

3.2. Thu tiền trả góp.

3.3. Thu lãi hay lợi nhuận đầu tư chứng khoán.

3.4. Và một số khoản thanh toán khác.

Trên cơ sở hợp đồng chặt chẽ giữa bên mua, bên bán và ngân hàng.

4. Đối với uỷ nhiệm chi:

Ngân hàng nhà nước cần bổ sung các điều khoản đối với người thụ hưởng. Điều khoản này có thể là các điều khoản tùy nghi. Hai bên có thể thoả thuận, theo đó bên mua sẽ trích tiền chuyển sang cho ngân hàng phục người bán trước. Ngân hàng phục vụ người bán sẽ đưa vào một tài khoản uỷ nhiệm chi chờ thanh toán mới riêng. Sau khi người bán chờ giao hàng cho người mua, người mua giao các chứng từ chứng nhận về hàng hoá đã nhận được cho người bán. Qua đó người bán sẽ dùng tài liệu này làm căn cứ để thanh toán khoản uỷ nhiệm chi đã chuyển tới ngân hàng phục vụ mình để hưởng ghi “có “

Đề xuất trên phần nào đồ hơi giống với thủ tục thanh toán thư tín dụng nhưng điểm khác cơ bản là tiền thực tế được chuyển từ người mua tới ngân hàng phục vụ người bán trước trước khi hàng hoá được giao tới. Nhưng đề xuất trên nhằm mở rộng phạm vi thanh toán và đảm bảo an toàn cho người mua đồng thời không gây khó khăn cho người bán bởi vì sự mở rộng này được thực hiện trên cơ sở đàm phán và có được sự đồng ý chấp thuận của người bán. Người mua không bị “ ép “ trong hình thức thanh toán này nữa và người bán cũng không bị ảnh

hưởng về quyền lợi được thanh toán nếu họ thực sự có quan hệ trung thực với bạn hàng và ngân hàng.

Khác với thư tín dụng(L/C) thủ tục cho đề xuất này đơn giản không phải qua khâu ký quỹ, đàm phán cho vay... Bởi thực tế đề xuất này vào thanh toán nội địa và dựa trên cơ sở cải tiến hình thức thanh toán uỷ nhiệm chi.

Hy vọng rằng tất cả các đề xuất, kiến nghị cũng như giải pháp trên đây được các bên có liên quan xem xét, nghiên cứu và được thử nghiệm để tiến tới áp dụng rộng rãi nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế .

KẾT LUẬN

Công tác thanh toán là một trong những chức năng quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngành Ngân hàng và nó sẽ có tác động rất lớn đối với sự tăng trưởng, phát triển của nền kinh tế. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay đang trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì trách nhiệm nặng nề đặt lên vai ngành Ngân hàng là phải đổi mới, cải tiến và hoàn thiện công tác thanh toán không dùng tiền mặt sao cho phù hợp với điều kiện nền kinh tế đất nước và tiến tới từng bước hoà nhập vào sự phát triển khoa học kỹ thuật, công nghệ thanh toán hiện đại của thế giới. Để đạt được điều này ngành Ngân hàng cùng với Chính phủ sớm xây dựng và hoàn thiện cơ chế thanh toán, tập trung đầu tư, đào tạo nhân lực..... Vì đây là một lĩnh vực hết sức phức tạp và nhạy cảm với sự biến đổi của nền kinh tế quốc dân.

Xuất phát từ thực tế áp dụng thẻ thức thanh toán không dùng tiền mặt ở nước ta trong những năm qua và góp phần hoàn thiện công tác thanh toán không dùng tiền mặt. Trong chuyên đề thực tập tốt nghiệp này, tôi đề cập đến một số vấn đề hoàn thiện công tác thanh toán không dùng tiền mặt ở nước ta hiện nay. Những vấn đề nêu lên, đặc biệt là những đề xuất của tôi xuất phát từ thực tế và trên cơ

sở lý luận cơ bản mà các Thầy ,Cô giáo đã giảng dạy tại trường và trên thực tế nghiên cứu tình hình thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Công thương II - Hai Bà Trưng, được sự quan tâm giúp đỡ, hướng dẫn của các đồng chí Ban giám đốc, các đồng chí trưởng, phó phòng, kế toán viên Phòng kế toán thuộc Ngân hàng Công thương II - Hai Bà Trưng cùng với sự cố gắng của bản thân trong học tập và thực tế tôi đã có kết hợp giữa lý luận và thực tế để hoàn thành chuyên đề này. Tuy nhiên vì hiểu biết có hạn, kính mong các Thầy, Cô trong bộ môn thêm ý kiến để đề tài có tính hiện thực và có ý nghĩa thực tiễn.

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ THAM KHẢO

1.. TIỀN TỆ NGÂN HÀNG VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

TÁC GIẢ: FREDERIC S.MISHKIN

2. KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

TÁC GIẢ: ROBERT J.GORDON

3. KINH TẾ HỌC VI MÔ

TÁC GIẢ: ROBERT S.PINDYCK – DANIAL L.ROBINFELD

4. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

TÁC GIẢ: EDWARD W.REED – EDWARD K. GILL

5. TÀI LIỆU TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 1999 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA SGD I NHCT VN

6. QUY CHẾ THANH TOÁN ĐIỆN TỬ TRONG HỆ THỐNG NHCT VN

7. NGÂN HÀNG VIỆT NAM QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

8. KINH TẾ VIỆT NAM 1999-2000 VÀ THẾ GIỚI – THỜI BÁO KINH TẾ

9. NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

TÁC GIẢ : LÊ VĂN TỀ

10. THẺ THANH TOÁN QUỐC TẾ

TÁC GIẢ: LÊ VĂN TỀ , TRƯƠNG THI HÔNG

MỤC LỤC

TRANG

Lời nói đầu

Chương I Những lý luận về thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán
điện tử

I. Sự cần thiết khách quan và vai trò thanh toán tiền tệ trong nền kinh tế

1/ Sự cần thiết của thanh toán tiền tệ trong nền kinh tế

1.1 Sự cần thiết của thanh toán tiền tệ trong nền kinh tế

1.2 Các chức năng của tiền

2/ Vai trò của thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế

II. Những quy định mang tính nguyên tắc thanh toán không dùng tiền mặt

.....

1/ Những quy định đối với khách hàng (đơn vị và cá nhân)

2/ Những quy định đối với ngân hàng và kho bạc

III. Những nội dung chủ yếu của các thể thức thanh toán không dùng tiền
mặt hiện đang áp dụng ở VN

1/ Các thể thức thanh toán không dùng tiền mặt

1.1 Thể thức thanh toán bằng UNT

1.2. Thể thức thanh toán bằng UNC

1.3. Thể thức thanh toán bằng thư tín dụng

1.4. Thể thức thanh toán bằng NPTT.....

1.5. Thể thức thanh toán bằng thẻ

1.6. Thể thức thanh toán bằng séc

Chương II Thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại NHCT KVII - HBT

.....

I. Vài nét về NHCT KVII - HBT.....

1/ Tình hình chung

2/Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đang áp dụng tại NHCT KVII - HBT	
2.1. Hình thức UNC	
2.2. Hình thức UNT	
Nhận xét.....	
2.4. Hình thức thanh toán bằng NPTT	
2.5. Phương thức thanh toán bằng Séc.....	
2.5.1 Séc chuyển khoản.....	
2.5.2 Séc bảo chi	
2.5.3. Séc cá nhân.....	
2.5. 4 Phương thức thanh toán điện tử.....	
Chương III Một số ý kiến đề xuất nhằm nâng cao chất lượng thanh toán không dùng tiền	
mặt tại chi nhánh ngân hàng công thương II - Hai Bà Trưng	
I/Hệ thống thanh toán điện tử	
II/Nghiên cứu và triển khai phương thức thanh toán trên máy rút tiền tự động (ATM)	
1/Tính cần thiết	
2/Giới thiệu sơ qua về dịch vụ thanh toán ATM.....	
Kết luận.....	